TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1
TỈNH QUẢNG TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 04/2026/DS-ST
Ngày 22 – 01 - 2026
V/v: Tranh chấp Hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Phú Quảng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đặng Thị Thu

2. Bà Dương Thị Hồng Liên

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh Quảng Trị.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 1, tỉnh Quảng Trị xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 78/2025/TLST - DS ngày 13 tháng 10 năm 2025 về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2026/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng N. Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V - Chức vụ: Tổng giám đốc. Địa chỉ: Số 02 L, phường G, Thành phố Hà Nội

- Chi nhánh thực hiện việc khởi kiện: Ngân hàng N (A Chi nhánh Bắc Quảng Bình). Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Văn Đ - Chức vụ: Giám đốc. Địa chỉ trụ sở: Số 37 đường H, xã H, tỉnh Quảng Trị. Đại diện theo uỷ quyền lại: Ông Võ Văn T – Chức vụ: Trưởng phòng kiểm tra, giám sát nội bộ Ngân hàng N– Chi nhánh Bắc Quảng Bình, có mặt.

- *Bị đơn:*

1/ Bà: Phạm Thị T, sinh năm 1986; Trú tại: Thôn T, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình (nay là xã Đ, tỉnh Quảng Trị). Bà Trang có mặt.

2/ Ông: Nguyễn Văn T; sinh năm 1984. Trú tại:Thôn T, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình (nay là xã Đ, tỉnh Quảng Trị). Ông Tình có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 22/8/2025 và lời khai trong quá trình tố tụng, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng N trình bày:

Năm 2018, vợ chồng bà Phạm Thị T và ông Nguyễn Văn T vay vốn tại Ngân hàng N. Việc vay vốn được hai bên ký Hợp đồng tín dụng số: 977/2018/HĐTD, ký kết ngày 12 tháng 7 năm 2018 và các Hợp đồng sửa đổi bổ

sung Hợp đồng tín dụng kèm theo với số tiền vay là 4.600.000.000 đồng (*Bằng chữ: Bốn tỷ, sáu trăm triệu đồng chẵn*). Thời hạn vay của hợp đồng tín dụng này là theo chu kỳ sản xuất kinh doanh, dịch vụ và khả năng trả nợ của khách hàng nhưng tối đa không quá 10 tháng. Lãi suất: 9%/năm, lãi suất cho vay cụ thể của mỗi lần giải ngân được ghi trên từng giấy nhận nợ. Định kỳ trả gốc và lãi là 03 tháng một lần.

Sau khi ký Hợp đồng tín dụng nêu trên Ngân hàng N - Chi nhánh Bắc Quảng Bình đã giải ngân cho bà T và ông T đủ số tiền là: 4.600.000.000 đồng (*Bằng chữ: Bốn tỷ, sáu trăm triệu đồng chẵn*).

Quá trình thực hiện hợp đồng bà Phạm Thị T và ông Nguyễn Văn T chưa trả được khoản nợ gốc nào; Bà T và ông T chỉ mới đã trả được số tiền lãi: 169.002.740 đồng.

Về tài sản đảm bảo của khoản vay: Toàn bộ nợ vay của bà T và ông T được thế chấp bảo đảm bằng các tài sản sau:

Tài sản đảm bảo là động sản gồm: 01 Tàu cá tàu cá theo Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 70334; Số đăng ký QB - 92510-TS; Chủ tàu: Nguyễn Văn T do Chi cục thủy sản Quảng Bình cấp ngày 19 tháng 06 năm 2017 tại Hợp đồng thế chấp tài sản số: 197/2017/HĐTC ngày 11 tháng 7 năm 2017 đã được công chứng tại Văn phòng công chứng Trung Sơn, số công chứng: 1637, quyển số 07 TP/CC - SCC/HĐGD ngày 11/7/2017, đăng ký giao dịch đảm bảo tại Đà Nẵng ngày 12 tháng 7 năm 2017; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản số: 977/2018/HĐSĐBS -TS ngày 11 tháng 7 năm 2018.

Tài sản đảm bảo là bất động sản gồm: 01 (một) thửa đất số 61, tờ bản đồ 01, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền trên đất số phát hành: CG578629, số vào sổ CH01712 do Ủy ban nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình (cũ) cấp ngày 13/12/2016, mang tên ông Nguyễn Văn T – Bà Phạm Thị T; Địa chỉ thửa đất tại: xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình (nay là: xã Đ, tỉnh Quảng Trị). Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 197A/2017/HĐTC ngày 11 tháng 7 năm 2017 đã được công chứng tại Văn phòng công chứng Trung Sơn, số công chứng: 1631 quyển số 07 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 11/7/2017, đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất ngày 11/7/2017; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 977A/2018/HĐTC ngày 11 tháng 7 năm 2018.

Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng bà Phạm Thị T và ông Nguyễn Văn T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng N - Chi nhánh Bắc Quảng Bình nên khoản vay của ông, bà đã quá hạn từ ngày 18/3/2022 và hiện đang là nợ xấu. Ngân hàng N - Chi nhánh Bắc Quảng Bình đã nhiều lần thông báo, làm việc, đôn đốc và tạo điều kiện để bà T, ông T trả nợ nhưng ông, bà vẫn không thanh toán được nợ gốc, nợ lãi theo quy định. Vì vậy, Ngân hàng N - Chi nhánh Bắc Quảng Bình khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh Quảng Trị:

Buộc bà Phạm Thị T và ông Nguyễn Văn T phải thanh toán cho Ngân hàng N - Chi nhánh Bắc Quảng Bình số tiền nợ tính đến ngày 22/01/2026 là 8.577.856.592 đồng. Trong đó:

- Nợ gốc 4.600.000.000 đồng.

- Nợ lãi trong hạn: 2.818.489.315 đồng.
- Nợ lãi quá hạn: 831.346.027 đồng.
- Nợ lãi chậm trả: 497.023.990đồng.
- Nợ lãi đã trả 169.002.740đ.

Tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm, bà Phạm Thị T và ông Nguyễn Văn T còn phải tiếp tục trả lãi (bao gồm lãi chậm trả) phát sinh theo lãi suất, phương thức xác định lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Trường hợp bà Phạm Thị T\ và ông Nguyễn Văn T không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng N - Chi nhánh Bắc Quảng Bình thì Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Bắc Quảng Bình có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, xử lý tài sản đảm bảo theo Hợp đồng thế chấp đã ký kết để thu nồi nợ.

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho Ngân hàng N thì Ngân hàng N - Chi nhánh Bắc Quảng Bình có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bà Phạm Thị T và ông Nguyễn Văn T để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

** Tại Bản tự khai ngày 30/10/2025, Biên bản hòa giải các ngày 30/10/2025 và ngày 22/12/2025, bị đơn bà Phạm Thị T và ông Nguyễn Văn T trình bày:*

Bà T và ông T thừa nhận việc ông, bà đã ký Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp với Ngân hàng N - Chi nhánh Bắc Quảng Bình để vay vốn thanh toán chi phí mua bán hàng hải sản và trả nợ tiền đóng tàu như trình bày của đại diện Ngân hàng N - Chi nhánh Bắc Quảng Bình. Bà T và ông T thừa nhận dư nợ vay bao gồm nợ gốc và nợ lãi đến thời điểm Tòa án tiến hành hòa giải (ngày 22/12/2025) như yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là đúng. Tuy nhiên, hiện nay vì tình hình làm ăn của gia đình đang gặp nhiều khó khăn nên vợ chồng bị đơn mong muốn xin khoanh lãi lại với lý do không đủ điều kiện để trả lãi định kỳ cho Ngân hàng, phía bị đơn mong Ngân hàng tạo điều kiện để bị đơn trả gốc hàng năm với số tiền 150.000.000 – 200.000.000 đồng/năm.

Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chổ đối với tài sản đảm bảo theo quy định của pháp luật. Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 21/11/2025 thể hiện: Hiện trạng thửa đất số 61, tờ bản đồ 01, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất , quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền trên đất số phát hành: CG578629, số vào sổ CH01712 do Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Quảng Bình (cũ) cấp ngày 13/12/2016, mang tên ông Nguyễn Văn T – Bà Phạm Thị T; Địa chỉ thửa đất tại: xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình (nay là: xã Đ, tỉnh Quảng Trị) giữ nguyên hiện trạng như giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp, được thế chấp tại ngân hàng. Về tài sản gắn liền trên thửa đất có 01 (một) ngôi nhà cấp 4 (bốn), lợp mái tôn, tường gạch bao quanh, tổng diện tích nhà là 46,3m^2. (Kèm theo Biên bản thẩm định ngày 21/11/2025 có một sơ đồ thửa đất).

Đối với tài sản thế chấp là động sản, cụ thể: 01 Tàu cá tàu cá theo Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 70334; Số đăng ký QB-92510-TS; Chủ tàu: Nguyễn

Văn T do Chi cục thủy sản Quảng Bình cấp ngày 19 tháng 06 năm 2017 tại Hợp đồng thế chấp tài sản số: 197/2017/HĐTC ngày 11 tháng 7 năm 2017 đã được công chứng tại Văn phòng công chứng theo quy định.

Ngày 22/12/2025 Tòa án đã ban hành công văn số 2912 /CV-TAKV1 gửi Cảng Gianh, tỉnh Quảng Trị *"về việc cung cấp thông tin Cảng đăng ký neo đậu tàu thuyền ..."*. Ngày 25/12/2025, Cảng cá và đăng kiểm tàu cá thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Quảng Trị đã có công văn phúc đáp số 342/GM-BQLCCĐK với nội dung như sau: *"Hiện tại, tàu cá số đăng ký QB-92510-TS, chủ tàu Nguyễn Văn T, nơi thường trú: xã Đ, tỉnh Quảng Trị đang neo đậu tại Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá Bắc Quảng Bình thuộc Ban Quản lý Cảng cá và Đăng kiểm tàu cá tỉnh Quảng Trị, địa chỉ tại xã B, tỉnh Quảng Trị"*.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổ chức hòa giải để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết các tranh chấp trong vụ án nhưng không thành. Ngân hàng N - Chi nhánh Bắc Quảng Bình không chấp nhận phương án gia hạn thêm thời gian thanh toán nợ theo yêu cầu của bị đơn.

Tại phiên tòa:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn ông Nguyễn Văn T – Bà Phạm Thị T giữ nguyên quan điểm đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1, tỉnh Quảng Trị phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án đảm bảo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 và 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 116, 117, 119, 280, 299, 317, 318, 320, 323, 385, 398, 401, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 91 và 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; các điều 100, 103, 209, 210 Luật tổ chức tín dụng năm 2024; Điều 7, Điều 8, Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ - HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N: Buộc bà Phạm Thị T và ông Nguyễn Văn T phải trả cho Ngân hàng N - Chi nhánh Bắc Quảng Bình số tiền nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày 22/01/2026 là 8.577.856.592 đồng. Trong đó:

- Nợ gốc 4.600.000.000 đồng.
- Nợ lãi trong hạn: 2.818.489.315 đồng.
- Nợ lãi quá hạn: 831.346.027 đồng.
- Nợ lãi chậm trả: 497.023.990đồng.
- Nợ lãi đã trả 169.002.740đ.

Kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm, bà Phạm Thị T và ông Nguyễn Văn T còn phải tiếp tục trả lãi (bao gồm lãi chậm trả) phát sinh theo lãi suất, phương thức xác định lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Trường hợp bà Phạm Thị T và ông Nguyễn Văn T không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng N - Chi nhánh Bắc Quảng Bình thì Ngân hàng N - Chi nhánh Bắc Quảng Bình có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, xử lý tài sản đảm bảo theo Hợp đồng thế chấp đã ký kết để thu nồi nợ.

Không chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn trong trường hợp nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho Ngân hàng N - Chi nhánh Bắc Quảng Bình thì Ngân hàng N - Chi nhánh Bắc Quảng Bình có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bà Phạm Thị T và ông Nguyễn Văn T để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật. Việc bà Phạm Thị T và ông Nguyễn Văn T chưa trả hết nợ cho Ngân hàng thì tiếp tục phải trả nợ cho đến khi hết nợ.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn trả tạm ứng án phí đã nộp.

Về chi phí tố tụng khác: Bị đơn phải chịu chi phí xem xét thẩm định tài sản theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", hợp đồng được giao kết giữa cá nhân không đăng ký kinh doanh với tổ chức tín dụng, mục đích vay vốn là để thanh toán tiền đóng tàu, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn bà Phạm Thị T và ông Nguyễn Văn T có nơi cư trú tại xã Đ, tỉnh Quảng Trị nên căn cứ quy định tại Điều 35 của Luật sửa đổi bổ sung Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, tranh chấp trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 1, tỉnh Quảng Trị.

[1.2] Về sự có mặt, vắng mặt của đương sự tại phiên tòa:

Tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn bà Phạm Thị T và ông Nguyễn Văn T đều có mặt.

2. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

* Xét yêu cầu thanh toán nợ theo Hợp đồng tín dụng:

Xét Hợp đồng tín dụng số: 977/2018/HĐTD, ký kết ngày 12 tháng 7 năm 2018 và các Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng kèm theo được ký bởi bên cho vay là Ngân hàng N - Chi nhánh Bắc Quảng Bình với bên vay là bà Phạm

Thị T và ông Nguyễn Văn T đã thỏa mãn các điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự theo quy định tại Điều 117 của Bộ luật dân sự và quy định của Luật các tổ chức tín dụng nên có hiệu lực pháp luật, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên tham gia giao kết hợp đồng.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Phạm Thị T và ông Nguyễn Văn T đều thống nhất thừa nhận về việc ký kết Hợp đồng tín dụng và dư nợ phát sinh đến thời điểm nguyên đơn khởi kiện là đúng thực tế. Theo đó, đây là các tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về số tiền nợ gốc:* Tại phiên tòa, đại diện của Ngân hàng N - Chi nhánh Bắc Quảng Bình yêu cầu bà bà Phạm Thị Tvà ông Nguyễn Văn T phải thanh toán tổng số tiền nợ gốc tính đến ngày 22/01/2026 là 4.600.000.000 đồng. Xét thấy, việc bà Phạm Thị T và ông Nguyễn Văn T có vay vốn tại Ngân hàng N - Chi nhánh Bắc Quảng Bình với tổng số tiền nợ gốc 4.600.000.000 đồng là đúng thực tế, phù hợp các khế ước nhận nợ/Giấy nhận nợ. Quá trình vay vốn, bà Phạm Thị T và ông Nguyễn Văn T chưa thanh toán được số tiền nợ nào. Như vậy, tính đến ngày 22/01/2026, bà Phạm Thị T và ông Nguyễn Văn T vẫn còn nợ Ngân hàng N - Chi nhánh Bắc Quảng Bình số tiền gốc là: 4.600.000.000 đồng. Hội đồng xét xử cần buộc bà T và ông T thanh toán cho Ngân hàng N - Chi nhánh Bắc Quảng Bình số tiền nợ gốc theo theo khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp

- *Về số tiền nợ lãi:* Xét thấy, Hợp đồng tín dụng số: 977/2018/HĐTD, ký kết ngày 12 tháng 7 năm 2018 và các Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng kèm theo được ký bởi bên cho vay với bên vay là bà Phạm Thị T và ông Nguyễn Văn T thuộc hợp đồng vay có thời hạn và có lãi, hai bên thỏa thuận về lãi suất tại các Hợp đồng tín dụng và sự thỏa thuận về lãi này phù hợp với quy định của pháp luật. Quá trình vay vốn, bà Phạm Thị T và ông Nguyễn Văn T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo cam kết. Tính đến ngày 22/01/2026, bà T và ông T còn nợ tiền lãi gồm: Nợ lãi trong hạn: 2.818.489.315 đồng; Nợ lãi quá hạn: 831.346.027 đồng; Nợ lãi chậm trả: 497.023.990đồng. Vì vậy, cần buộc bà Phạm Thị T và ông Nguyễn Văn T thanh toán cho Ngân hàng N - Chi nhánh Bắc Quảng Bình số tiền nợ lãi theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với thỏa thuận về lãi suất mà các bên ký kết.

Từ những phân tích trên, căn cứ Điều 466 của Bộ luật dân sự cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bà Phạm Thị T và ông Nguyễn Văn T phải thanh toán cho Ngân hàng N số tiền nợ tính đến ngày 22/01/2026 là: 8.577.856.592 đồng. Trong đó:

- Nợ gốc 4.600.000.000 đồng.
- Nợ lãi trong hạn: 2.818.489.315 đồng.
- Nợ lãi quá hạn: 831.346.027 đồng.
- Nợ lãi chậm trả: 497.023.990đồng.
- Nợ lãi đã trả 169.002.740đ.

Kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm, bà Phạm Thị T và ông Nguyễn Văn T còn phải tiếp tục trả lãi (bao gồm lãi chậm trả) phát sinh theo lãi suất, phương thức xác định lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng từ ngày xét xử sơ

thẩm cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

* Xét yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo theo Hợp đồng thế chấp:

- Để bảo đảm cho việc vay vốn tại Ngân hàng N - Chi nhánh Bắc Quảng Bình, bà Phạm Thị T và ông Nguyễn Văn T đã dùng các tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng của mình để đảm bảo thế chấp khoản vay, cụ thể tài sản thế chấp gồm:

Tài sản đảm bảo là động sản gồm: 01 Tàu cá theo Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 70334; Số đăng ký QB-92510-TS; Chủ tàu: Nguyễn Văn T do Chi cục thủy sản Quảng Bình cấp ngày 19 tháng 06 năm 2017 tại Hợp đồng thế chấp tài sản số: 197/2017/HĐTC ngày 11 tháng 7 năm 2017 đã được công chứng tại Văn phòng công chứng Trung Sơn, số công chứng: 1637, quyển số 07 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 11/7/2017, đăng ký giao dịch đảm bảo tại Đà Nẵng ngày 12 tháng 7 năm 2017; Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản số: 977/2018/HĐSĐBS-TS ngày 11 tháng 7 năm 2018.

Tài sản đảm bảo là bất động sản gồm: 01 (một) thửa đất số 61, tờ bản đồ 01, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất , quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền trên đất số phát hành: CG578629, số vào sổ CH01712 do Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Quảng Bình (cũ) cấp ngày 13/12/2016, mang tên ông Nguyễn Văn T – Bà Phạm Thị T; Địa chỉ thửa đất tại: xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình (nay là: xã Đ, tỉnh Quảng Trị). Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 197A/2017/HĐTC ngày 11 tháng 7 năm 2017 đã được công chứng tại Văn phòng công chứng Trung Sơn, số công chứng: 1631 quyển số 07 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 11/7/2017, đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất ngày 11/7/2017; Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 977A/2018/HĐTC ngày 11 tháng 7 năm 2018.

Xét thỏa thuận của các bên tại các Hợp đồng thế chấp tài sản và các Hợp đồng sửa đổi, bổ sung nêu trên đã ký kết giữa các bên là phù hợp với quy định của pháp luật. Hợp đồng thế chấp đã được công chứng và đăng ký thế chấp hợp lệ nên phát sinh hiệu lực, ràng buộc quyền và nghĩa vụ của bên thế chấp và bên nhận thế chấp tài sản. Từ đó Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Trường hợp bà Phạm Thị T và ông Nguyễn Văn T không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng N thì Ngân hàng Nm có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, xử lý tài sản đảm bảo theo Hợp đồng thế chấp đã ký kết để thu hồi nợ.

Trường hợp sau khi xử lý xong tài sản bảo đảm mà vẫn không đủ thu hồi khoản nợ thì bà Phạm Thị T và ông Nguyễn Văn T vẫn phải có trách nhiệm thanh toán khoản nợ còn lại cho Ngân hàng N.

[2.2]. Về án phí và chi phí tố tụng khác:

- Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N - Chi nhánh Bắc Quảng Bình được chấp nhận nên bị đơn bà Phạm Thị T và ông Nguyễn Văn T phải chịu án phí dân

sự sơ thẩm là 116.577.856 đồng.

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí 57.981.246 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000801 ngày 13/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị.

- Về chi phí tố tụng: Bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí này Ngân hàng N - Chi nhánh Bắc Quảng Bình đã nộp tạm ứng và chi phí đủ với tổng số tiền đã chi phí là 4.400.000 đồng (Bằng chữ: Bốn triệu, bốn trăm nghìn đồng) để hoàn trả lại cho Ngân hàng N - Chi nhánh Bắc Quảng Bình.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 28, Điều 39; Điều 147, 157, 158, 227, 228, 271, 273 và Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 35 Luật sửa đổi bổ sung Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các điều 116, 117, 280, 299, 317, 318, 323, 385, 398, 401, 463, 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 91 và 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Áp dụng các điều: 100, 103, 209 và Điều 210 Luật tổ chức tín dụng năm 2024;

- Áp dụng Điều 7, Điều 8, Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N đối với bị đơn bà Phạm Thị T và ông Nguyễn Văn T.

Buộc bà Phạm Thị T và ông Nguyễn Văn T phải trả cho Ngân hàng N số tiền nợ tính đến ngày 22/01/2026 là: 8.577.856.592 đồng. Trong đó:

- Nợ gốc 4.600.000.000 đồng.
- Nợ lãi trong hạn: 2.818.489.315 đồng.
- Nợ lãi quá hạn: 831.346.027 đồng.
- Nợ lãi chậm trả: 497.023.990đồng.
- Nợ lãi đã trả 169.002.740đ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (22/01/2026), bà Phạm Thị T và ông Nguyễn Văn T còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo lãi suất, phương thức xác định lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay.

Trường hợp bà Phạm Thị T và ông Nguyễn Văn T không thực hiện nghĩa vụ

hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng N thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, xử lý tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ là:

+ 01 (một) Tàu cá tàu cá theo Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 70334; Số đăng ký QB - 92510-TS; Chủ tàu: Nguyễn Văn Tình do Chi cục thủy sản Quảng Bình cấp ngày 19 tháng 06 năm 2017 tại Hợp đồng thế chấp tài sản số: 197/2017/HĐTC ngày 11 tháng 7 năm 2017 đã được công chứng tại Văn phòng công chứng Trung Sơn, số công chứng: 1637, quyển số 07 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 11/7/2017, đăng ký giao dịch đảm bảo tại Đà Nẵng ngày 12 tháng 7 năm 2017; Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản số: 977/2018/HĐSĐBS - TS ngày 11 tháng 7 năm 2018.

+ 01 (một) thửa đất số 61, tờ bản đồ 01, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất , quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền trên đất số phát hành: CG578629, số vào sổ CH01712 do Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Quảng Bình (cũ) cấp ngày 13/12/2016, mang tên ông Nguyễn Văn T – Bà Phạm Thị T; Địa chỉ thửa đất tại: xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình (nay là: Xã Đ, tỉnh Quảng Trị). Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 197A/2017/HĐTC ngày 11 tháng 7 năm 2017 đã được công chứng tại Văn phòng công chứng Trung Sơn, số công chứng: 1631 quyển số 07 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 11/7/2017, đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất ngày 11/7/2017; Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 977A/2018/HĐTC ngày 11 tháng 7 năm 2018.

2. Về án phí và chi phí tố tụng khác:

- Về án phí: Bà Phạm Thị T và ông Nguyễn Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 116.577.856 đồng *(một trăm mười sáu triệu, năm trăm bảy mươi bảy nghìn, tám trăm năm mươi sáu đồng)* để sung công quỹ nhà nước.

Ngân hàng N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 57.981.246 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000801 ngày 13/10/2025 của Cơ quan Thi hành án hình sự tỉnh Quảng Trị.

- Về chi phí tố tụng khác: Bà Phạm Thị T và ông Nguyễn Văn T phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ với số tiền là 4.400.000 đồng *(Bằng chữ: Bốn triệu bốn trăm nghìn đồng)* để hoàn trả lại cho Ngân hàng N.

Kể từ ngày Ngân hàng N có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà Phạm Thị Trang và ông Nguyễn Văn T chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền chi phí xem xét thẩm định tài sản thì bà Phạm Thị T và ông Nguyễn Văn T còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn Ngân hàng N– Chi nhánh Bắc Quảng Bình và bị đơn, bà Phạm Thị T và ông Nguyễn Văn T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án *(ngày 22 tháng 01 năm 2026)* để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật

Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND, VKSND tỉnh Quảng Trị;*
- *VKSND Khu vực 1- Quảng Trị;*
- *THADS tỉnh Quảng Trị;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HS vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Phú Quảng